

Số: /2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

Dự thảo 3

THÔNG TƯ

Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về định mức, kinh phí trang bị và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Lực lượng dân phòng.
2. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở.
3. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

4. Công an các đơn vị, địa phương.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

3. Bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đúng mục đích, đúng đối tượng sử dụng.

4. Phù hợp với điều kiện ngân sách của các địa phương và khả năng bảo đảm kinh phí của cơ sở.

Chương II

TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CƠ SỞ, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHUYÊN NGÀNH

Điều 4. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng

1. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tùy theo tính chất, đặc điểm về địa lý, sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, yêu cầu của công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên từng địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý và khả năng bảo đảm ngân sách của địa phương, lực lượng dân phòng có thể được trang bị thêm các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Căn cứ vào danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm trang bị cho lực lượng dân phòng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và yêu cầu thực tiễn công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên từng địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng bảo đảm theo quy định và xem xét, quyết định trang bị thêm các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác cho lực lượng dân phòng.



Điều 5. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

1. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp cơ sở được trang bị phương tiện giao thông cơ giới chuyên dùng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thì việc trang bị loại, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên phương tiện giao thông cơ giới chuyên dùng được thực hiện theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động, sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở để xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và xem xét, quyết định việc trang bị cụ thể loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các chức danh của lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Ngoài danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về cháy, nổ tại cơ sở và khả năng bảo đảm kinh phí, người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở có thể trang bị thêm cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Đối với các cơ sở đã có quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì thực hiện theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 6. Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành

1. Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP và điểm c khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 42 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở bảo đảm kinh phí trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành thuộc các cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm và thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019 và thay thế Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

2. Lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành đã được trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo định mức bằng hoặc cao hơn quy định tại Thông tư này trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng cho đến khi phương tiện bị hỏng phải thay thế; trường hợp chưa được trang bị hoặc đã được trang bị nhưng thấp hơn số lượng quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Căn cứ yêu cầu và tình hình thực tế, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định tại Thông tư này trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

3. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ vào tháng 12 hàng năm báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) việc thực hiện quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho



lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

b) Tổng hợp đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ).

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quy chế về quản lý, sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý với các nội dung: Nguyên tắc quản lý, sử dụng phương tiện; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng dân phòng được trang bị, sử dụng phương tiện; điều kiện, trách nhiệm của cán bộ, đội viên lực lượng dân phòng được giao sử dụng phương tiện; điều kiện, trách nhiệm của người được giao quản lý kho, nơi cất giữ phương tiện; các chức danh của lực lượng dân phòng được sử dụng phương tiện và loại phương tiện được trang bị, sử dụng; các nội dung khác có liên quan.

4. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, C07.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

PHỤ LỤC I
DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY
VÀ CHỮA CHÁY CƠ SỞ, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY CHUYÊN NGÀNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2019/TT-BCA ngày... của Bộ trưởng Bộ Công an)

STT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI DÂN PHÒNG	SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PCCC CƠ SỞ		SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PCCC CHUYÊN NGÀNH
				Thuộc Phụ lục I Nghị định số 79/2014/NĐ- CP	Thuộc Phụ lục II Nghị định số 79/2014/NĐ-CP	
1	- Vòi chữa cháy có đường kính 66mm, dài 20m - Lăng chữa cháy A (Trang bị cho cơ sở có trụ cấp nước chữa cháy ngoài trời)	Cuộn Chiếc		02	06	06
				01	02	02
2	Khóa mở trụ nước (Trang bị cho cơ sở có trụ cấp nước chữa cháy ngoài trời)	Chiếc	01	01	01	01
3	Bình bột chữa cháy xách tay loại 8kg	Bình	03	03	05	05
4	Bình khí CO ₂ chữa cháy xách tay loại 5kg	Bình	03	03	05	05
5	Mũ chữa cháy	Chiếc	05	05	10	10
6	Quần áo chữa cháy	Bộ	05	05	10	10
7	Găng tay chữa cháy	Đôi	05	05	10	10
8	Ủng chữa cháy	Đôi	05	05	10	10
9	Khẩu trang lọc độc	Chiếc	05	05	10	10

STT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI DÂN PHÒNG	SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PCCC CƠ SỞ		SỐ LƯỢNG TRANG BỊ CHO 01 ĐỘI PCCC CHUYÊN NGÀNH
				Thuộc Phụ lục I Nghị định số 79/2014/NĐ-CP	Thuộc Phụ lục II Nghị định số 79/2014/NĐ-CP	
10	Đèn pin	Chiếc	05	05	10	10
11	Câu liêm, bô cạo	Chiếc	01	01	01	01
12	Hộp sơ cứu (kèm theo các dụng cụ cứu thương)	Hộp			01	01
13	Quần áo cách nhiệt	Bộ				02
14	Quần áo chống hóa chất (trang bị cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất)	Bộ				02
15	Mặt nạ phòng độc lọc độc	Bộ				03
16	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ				02
17	Xà beng	Cái	01	01	01	03
18	Búa tạ	Cái	01	01	01	03
19	Kìm cộng lực	Cái	01	01	02	03
20	Thang dây	Cuộn	01	01	02	05
21	Cáng cứu thương	Chiếc	01	01	03	05
22	Bộ đàm cầm tay	Chiếc			02	02

PHỤ LỤC II
DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2019/TT-BCA ngày... của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Phao cứu sinh.
2. Áo phao.
3. Dây cứu nạn, cứu hộ.
4. Thiết bị thông tin cá nhân.
5. Rìu phá dỡ đa năng.
6. Cuốc chim.
7. Bộ dao cắt.
8. Cưa tay.
9. Đai cứu người.
10. Bộ đồ cứu thương.
11. Ủng cứu nạn, cứu hộ.
12. Thất lưng cứu nạn, cứu hộ.
13. Kính mắt cứu nạn, cứu hộ.
14. Phương tiện phá dỡ.
15. Bộ thiết bị cứu nạn, cứu hộ thủy lực.
16. Phương tiện cơ giới chuyên dùng cứu nạn, cứu hộ
17. Phương tiện giao thông cơ giới chuyên dùng cứu nạn, cứu hộ.